

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
(V/v họp phụ huynh học sinh đầu năm
năm học 2025-2026)

I. Thời gian, thành phần, địa điểm

- Thời gian: 14 giờ 19 ngày tháng 9 năm 2025
- Địa điểm: trường PTDT BT THCS Ma Thì Hồ
- Thành phần tham dự:
 - + Ban giám hiệu nhà trường
 - + Giáo viên chủ nhiệm các lớp
 - + Với sự có mặt của 450/503 phụ huynh học sinh.

NỘI DUNG

Đ/c: Cao Thị Oanh hiệu trưởng nhà báo cáo kết quả năm học 2024-2025 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm học 2025-2026.

1. Kết quả năm học 2024-2025

a. Thuận lợi, khó khăn:

Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của Đảng, nhà nước, các cấp các ngành và toàn xã hội tới sự nghiệp giáo dục, đặc biệt là giáo dục miền núi. Có chế độ chính sách ưu đãi học sinh, tạo điều kiện cho học sinh có điều kiện học tập như chế độ hỗ trợ chi phí học tập, miễn học phí cho đối tượng H/S mồ côi cả cha lẫn mẹ, H/S con hộ nghèo, chế độ cho học sinh KT, chế độ giảm học phí cho H/S dân tộc có HK ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, chế độ hỗ trợ tiền ăn và gạo cho học sinh bán trú.
- Trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, sự phối hợp của các trường Tiểu học, Mầm non đóng trên địa bàn.
- Đội ngũ giáo viên trẻ, có trình độ, có năng lực, có tinh thần đoàn kết, có ý thức tổ chức, kỷ luật, có trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ có nhiều năm công tác làm quen với đối tượng học sinh các dân tộc trong xã.
- Cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho dạy học và phục vụ học sinh nội trú tương đối đảm bảo.
- Đa đa số học sinh ngoan ngoãn có tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc trong và ngoài nhà trường, chấp hành khá tốt nội quy nhà trường.
- Hội cha mẹ HS, chính quyền địa phương quan tâm phối hợp trong việc huy động HS ra lớp.

Khó khăn

- Một số cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được trường chuẩn Quốc gia, phòng làm việc của tổ chuyên môn tạm, phòng phó hiệu trưởng còn thiếu, phòng ngoại ngữ chưa có.
- Đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo chiếm gần trên 50%, trong xã vẫn còn tệ nạn tảo hôn, điều này ảnh hưởng lớn đến việc duy trì số lượng học sinh, và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đầu vào của học sinh chưa đồng đều, một số học sinh trình độ nhận thức còn yếu nên ảnh hưởng lớn tới việc tiếp thu kiến thức và nâng cao chất lượng.

b. Thông báo kết quả học sinh sau tốt nghiệp THCS năm 2024-2025

- Thống kê chất lượng công tác tuyển sinh vào lớp 10. Kết quả chung xếp thứ 99/123; điểm TB 3 môn là: 3,15, trong đó môn Toán điểm TB là 3,73 xếp thứ 70; môn Ngữ văn điểm TB là 2,79 xếp thứ 108; môn Tiếng Anh điểm TB là 2,92 xếp thứ 98; Điểm trung bình của toàn tỉnh: môn Toán là 4,41; môn Ngữ văn là: 4,09; môn NN: 3,72. Chất lượng so với đầu năm đã có cải thiện, nhưng chưa nhiều. Tổng số 53/77 HS đỗ vào lớp 10 đạt: 68,8 %.

c. Chất lượng giáo dục và đào tạo:

- **Kết quả xếp loại về phẩm chất(hạnh kiểm):**

- **Xếp loại Rèn luyện:**

* Kết quả, chất lượng 2 mặt giáo dục.

STT	Lớp	Số	Nữ	DT	Nữ DT	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện			
						Tốt	Khá	Đạt	C.Đạt	Tốt	Khá	Đạt	C.Đạt
						SL	SL	SL	SL	SL	SL	SL	SL
Tổng cộng		490	227	482	224	45	166	276	3	342	124	23	0
Khối 6		135	59	134	59	11	46	77	1	88	41	5	0
1	6A1	45	26	44	26	11	33	1	0	40	4	0	0
2	6A2	45	16	45	16	0	6	38	1	24	18	3	0
3	6A3	45	17	45	17	0	7	38	0	24	19	2	0
Khối 7		132	61	129	59	12	45	74	1	88	37	7	0
4	7A1	44	33	43	32	12	32	0	0	40	3	1	0
5	7A2	44	16	42	15	0	7	37	0	24	18	2	0
6	7A3	44	12	44	12	0	6	37	1	24	16	4	0
Khối 8		118	55	116	54	12	37	68	1	79	33	6	0
7	8A1	41	30	39	29	12	27	2	0	37	4	0	0
8	8A2	38	15	38	15	0	5	32	1	21	14	3	0
9	8A3	39	10	39	10	0	5	34	0	21	15	3	0
Khối 9		105	52	103	52	10	38	57	0	87	13	5	0
10	9A1	33	19	31	19	9	23	1	0	33	0	0	0
11	9A2	36	17	36	17	1	7	28	0	26	8	2	0
12	9A3	36	16	36	16	0	8	28	0	28	5	3	0

Tổ chức và tham gia các cuộc thi do các cấp tổ chức. Kết quả

Các cuộc thi	Cấp trường					Cấp huyện				
	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK
VH lớp 9, Olympic	48		02	14	32	19		02	4	13
KHKT	6		1	2	3	01				1
Hội thao	40	13	13	14	0	3		1	2	0
Văn nghệ	8	1	1	2	3					

Dân vũ	1					1			1	
STTND	7		1	1	5					
Kể chuyện theo sách	12	1	2	4	5					

Có 01 học sinh đạt giải ba học sinh giỏi Ioe tiếng Anh cấp tỉnh.

Nhà trường đã kiểm tra HS hồ sơ định kỳ. Kết quả 25/25 bộ xếp loại tốt;

Kết quả Gv dạy giỏi các cấp là 22 trong đó: Cấp trường: 22; Cấp huyện: 16; Cấp tỉnh: 02(bảo lưu).

d. Công tác phổ cập:

Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trường bạn làm tốt công tác điều tra, tham mưu với chính quyền xã kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập và hoàn thiện hồ sơ phổ cập, kết quả bộ hồ sơ phổ cập của nhà trường được các đoàn kiểm tra đánh giá tốt duy trì phổ cập GDTHCS mức độ 3.

Kết quả là:

- Tổng số trẻ hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học năm qua vào học lớp 6: 130/130, tỉ lệ 100%. Tổng số trẻ 11-14 tuổi học THCS 492/493, tỉ lệ 99,8.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tốt nghiệp THCS 415/433, tỉ lệ 95,8%.

- Tổng số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 đã và đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT và tương đương 319/433, tỉ lệ 73,7%.

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-15 tuổi trên địa bàn có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục 0/0.

- Trường đã duy trì chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

e. Kết quả xếp loại nhà trường và giáo viên:

Tập thể các lớp: Nhà trường đã khen thưởng tập thể lớp xuất sắc: Nhất 9A1; 6A3; Nhì 8A1; 7A2; thứ Ba: lớp 9A3.

Học sinh giỏi: 45

Đánh giá xếp loại cuối năm:

- Tự đánh giá xếp loại chuẩn: Tốt: 24 đồng chí; loại khá: 6 đồng chí.

-Xếp loại viên chức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 7 đ/c; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 27 đ/c.

- Xếp loại thi đua:

Đề nghị đạt CSTĐCS: 07 đ/c; LĐTT: 34 đ/c.

Đề nghị UBND huyện khen: 10 đ/c.

Đề Nghị UBND Tỉnh tặng bằng khen: 2 đ/c.

Đề nghị thủ tướng tặng bằng khen: 01 đồng chí.

*Công Đoàn: Cá nhân đề nghị 1 đoàn viên công đoàn được LĐLĐ huyện khen.

g. Kết quả thực hiện công tác xã hội hóa năm học 2024-2025

Nhà trường đã được sự quan tâm của UBND huyện; Bộ ngoại giao Ban thương mại tập đoàn dầu khí Việt Nam tặng bóng đèn năng lượng(30.000.000; Tập đoàn FPT tặng 15 bộ máy tính(75.000.000); Công đoàn viên chức tỉnh Điện Biên tặng học bổng cho HS(9.600.000) và 10 chiếc quạt(5.500.000); Quỹ phát triển rừng tỉnh Điện Biên tặng 490 chiếc áo khoác(74.480.000), Dự án nuôi em Hoài nguyên

hỗ trợ cho 7 em HS, mỗi tháng 500.000 đồng(31.500.000); Huyện đội Mường Chà tặng các em quần áo; Chi đoàn bệnh viên Đa khoa tỉnh Điện Biên tặng quà(8.000.000)... Tổng số tiền hiện vật và tiền là: 904.958.000 đồng.

- Ngoài ra công tác huy động XHHGD của nhà trường

Nhà trường đã được sự quan tâm của UBND huyện; PGD & ĐT Mường Chà, kết nối với Công đoàn viên chức tỉnh Điện Biên và công đoàn Bộ ngoại giao, hỗ trợ 100.000.000 đồng và đồng thời nhà trường huy động các tổ chức, cá nhân ủng hộ tự nguyện bằng tiền mặt để đối ứng xây dựng 01 bếp nấu ăn cho HS nội trú là: Xây dựng 01 bếp ăn: 58.756.000 đồng. Ngoài ra nhà trường còn vận động được các tổ chức, cá nhân ủng hộ được nguyên vật liệu để xây dựng thư viện thân thiện, đường ống nước và lõi lọc nước Tổng trị giá là : 22.369.000.

h. Các chế độ chính sách cho HS

Các chính sách của học sinh thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời đúng đối tượng. Tổng bán trú là 236/490 HS = 48,2 %; hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí là 482/490 HS. Các chế độ được chi trả đầy đủ kịp thời, đúng đối tượng cụ thể là. Tổng số tiền HS bán trú là: 1.966.106.300 đồng; chế độ hỗ trợ chi phí học tập là: 634.9200.000 đồng

2. Phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm học 2025 - 2026

a. Quy mô trường, lớp và học sinh, CB-GV-NV

- **Số lượng:** Đầu năm: 503 HS, cuối năm 503 HS; 12 lớp. Kết quả duy trì: 503/503= 100%.

Khối	Kế hoạch giao		Thực hiện			Duy trì đến cuối năm			Chuyển lớp - HTCTTH	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Đạt%	Số lớp	Số HS	Đạt %	Số HS	Đạt%
6	3	130	3	133	102.3	3	133	100	133	100
7	3	134	3	135	100.7	3	135	100	135	100
8	3	129	3	127	98.4	3	127	100	127	100
9	3	111	3	108	97.3	3	108	100	108	100
Tổng	12	504	12	503	99.8	12	503	100	503	100

- Cơ sở vật chất

Loại phòng (nhà)	Tổng số	Phân loại		
		Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
Phòng học	12	9	3	0
Phòng học bộ môn	6	6	0	0
Phòng chức năng	0	0	0	0
Phòng hội đồng	1	1	0	0
Phòng thiết bị	1	1	0	0
Phòng thư viện	1	1	0	0
Phòng y tế	1	1	0	0

Phòng hành chính	1	1	0	0
Phòng bảo vệ	1	1	0	0
Phòng công vụ	0	0	0	0

+ **Thiết bị dạy học**

Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính	So sánh yêu cầu tối thiểu
Máy tính phục vụ học tập	15	Bộ	Thiếu 9 bộ
Máy tính dùng cho quản lý	3	Bộ	Đủ
Máy tính phục vụ văn phòng	4	Bộ	Đủ
Máy chiếu	10	Cái	Thiếu 3
Máy phô tô	2	Cái	Đủ
Bảng	15	Cái	Đủ
Bộ bàn ghế dành cho giáo viên	11	Bộ	Đủ
Bộ bàn ghế dành cho học sinh	184	Bộ	Đủ
TV	6	Cái	Đủ
Thiết bị dạy học	4	Bộ	Đáp ứng 70%

Đáp ứng tiêu chí trường chuẩn quốc gia, an toàn trường học.

- **Về sách giáo khoa cho học sinh.**

Cơ bản có đủ theo yêu cầu

- **Đội ngũ**

STT	Vị trí việc làm	Trình độ CM	Số GV năm học 2024-2025		
			Tổng số	Thừa	Thiếu
I	Ban giám hiệu		3	0	0
	Hiệu trưởng	ĐH	1	0	0
	Phó hiệu trưởng	ĐH, TS	2	0	0
II	Giáo viên		26	0	-2
	Ngữ văn	ĐH	3	0	-1
	Toán	3 ĐH, 1 TS	4	0	0
	Ngoại ngữ	ĐH	2	0	0
	GDCD	ĐH	1	0	0
	Lịch sử và Địa lí	ĐH	4	0	0
	KHTN	ĐH	6	0	0
	Công nghệ	ĐH	1	0	0
	Tin học	ĐH	1	0	0
	Giáo dục thể chất	ĐH	2	0	0
	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	ĐH	2	0	0
	Tiếng dân tộc thiểu số		0	0	0
	Công tác Đội		0	0	-1

III	Phục vụ giảng dạy		0	0	-2
	- Nhân viên TV		0	0	-1
	- Nhân viên Thiết bị		0	0	-1
IV	Nhân viên		4		
	- Y tế	Trung cấp	1	0	0
	- Kế toán	ĐH	1	0	0
	- Thủ quỹ		0	0	0
	- Văn thư	Trung cấp	1	0	0
	- Bảo vệ	9/12	1	0	0
Tổng			35	0	-3

Tỷ lệ giáo viên trên lớp: THCS: 26/12lớp = 2,16.

- Các chỉ tiêu phân đầu năm học 2025 - 2026.

Chất lượng 2 mặt giáo dục:

STT	Lớp	TS	Kết quả học tập				Kết quả rèn luyện			
			Tốt	Khá	Đạt	C.Đạt	Tốt	Khá	Đạt	C.Đạt
1	6A1	45	11	33	1	0	40	5	0	0
2	6A2	44	0	7	37	0	27	15	2	0
3	6A3	44	0	7	36	1	27	14	3	0
Tổng cộng		133	11	47	74	1	94	34	5	0
4	7A1	45	11	33	1	0	40	5	0	0
5	7A2	45	0	7	37	1	27	15	3	0
6	7A3	45	0	8	37	0	27	15	3	0
Tổng cộng		135	11	48	75	1	94	35	6	0
7	8A1	41	12	29	0	0	37	4	0	0
8	8A2	44	0	8	36	0	27	14	3	0
9	8A3	42	0	7	34	1	27	12	3	0
Tổng cộng		127	12	44	70	1	91	30	6	0
10	9A1	37	12	25	0	0	33	4	0	0
11	9A2	35	0	6	29	0	20	13	2	0
12	9A3	36	0	6	30	0	20	14	2	0
Tổng cộng		108	12	37	59	0	73	31	4	0
Toàn trường		503	46	176	278	3	352	130	21	0
Tỷ lệ		503	9,1	35	55,3	0,6	70	26	4	0

- Khen thưởng:

+ Số học sinh đạt Xuất sắc: 0 HS.

+ Số học sinh đạt học sinh giỏi: 46/503 HS.

- Lớp tiên tiến: 6/9 = 66,7%

+ Đảm bảo 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp, không có học sinh bỏ học giữa chừng.

+ 100% học sinh lớp 9 TN THCS.

- + Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT học nghề đạt trên 75%.
- + Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 90% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.
- + Tổ chức được 8 hoạt động giáo dục kỹ năng sống/năm học, đảm bảo 100% học sinh cần được hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.
- Tham gia đầy đủ các cuộc thi khác do ngành phát động.
- Số lượng học sinh thi vào 10 đạt 80 % trở lên.
- Kết quả điểm thi tuyển sinh vào 10 đạt TB: Môn Ngữ văn: 4,5; môn Toán: 4,0 ; môn Tiếng Anh: 4,0.
- **Các cuộc thi:**

Các cuộc thi	Cấp trường					Cấp xã					Cấp tỉnh
	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK	TS	Nhất	Nhì	Ba	KK	
VH lớp 9, Olympic	60	4	6	10	40	21	1	2	4	14	2
KHKT	6	1	1	2	2	3		1	1	1	
Hội thao		23	23	23		11	1	3	3	5	3
Văn nghệ	12	1	2	3	6						
Kể chuyện theo sách	9	1	1	3	4						
STTND	6	1	1	2	2	3		1	1	1	
Olympic TA	12	1	1	3	5	8	2	2	4	8	3

- Các hoạt động khác:

Tuyên truyền cho các em về các chế độ chính sách, tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống cho HS: Phòng chống các bệnh theo mùa; phòng chống tai nạn thương tích; Đuối nước; An toàn điện, ATGT, bệnh tật học đường, luật AN mạng...; hôn nhân cận huyết thống.

Tổ chức Trung thu, tết dân tộc; Thể thao; văn nghệ, thi kể chuyện theo sách...

- Phối hợp trạm y tế khám sức khỏe cho HS theo định kỳ.

b. Công tác thi đua, khen thưởng

Tập thể các lớp: Nhà trường đã khen thưởng tập thể lớp xuất sắc: 6/12 tập thể

Học sinh giỏi: 46

Đánh giá xếp loại cuối năm:

- Tự đánh giá xếp loại chuẩn: Tốt: 25 đồng chí; loại khá: 6 đồng chí.
- Xếp loại viên chức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 7 đ/c; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 27 đ/c.
- Xếp loại thi đua:

Đề nghị đạt CSTĐCS: 07 đ/c; LĐTT: 33 đ/c.

Đề nghị UBND huyện khen: 10 đ/c.

Đề nghị UBND Tỉnh tặng bằng khen: 2 đ/c; SGD khen 01 đồng chí.

Trường đề nghị đạt danh hiệu tập thể LĐXS cấp tỉnh;

chức nấu ăn 3 bữa/ngày nhà trường cam kết đảm bảo khẩu phần ăn cho học sinh.

c. Công tác XHH, Dự kiến các khoản ủng hộ từ các tổ chức cá nhân và khoản thu tự nguyện phục vụ cho học sinh.

(Có biểu kèm theo)

*** Các chế độ đối với học sinh:**

- Chế độ chi phí học tập:

+ Học sinh khu vực III được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập 150.000/1tháng. số tiền này mua SGK, vở ghi, dụng cụ học tập, quần áo phục vụ cho học sinh đi học và học sinh được miễn đóng học phí.

- Chế độ bán trú:

+ Học sinh bán trú được hỗ trợ tiền ăn 936.000/ tháng chia cho 22 ngày ăn. Học sinh sẽ được trả lại tiền ăn thừa những ngày nghỉ tết, nghỉ lễ và ốm đau có lý do.

+ Được hỗ trợ 1 tháng 15 kg gạo, gạo còn dư nhà trường trả lại cho các em vào cuối năm học.

d. Đ/c Trang Thị Tâm thông báo chế độ và thực đơn ăn hàng ngày của học sinh

e.Thảo luận, đóng góp ý kiến của phụ huynh:

- Nhất trí với bản kế hoạch của nhà trường và thực đơn ăn hàng ngày của học sinh.

- Nhà trường cần có biện pháp đối học sinh nội trú dùng điện thoại bằng cách nhà trường giữ điện thoại cho học sinh trong giờ học và giờ ngủ.

Biên bản kết thúc vào lúc 16 giờ 0 phút cùng ngày.

Biên bản có thông qua toàn thể hội phụ huynh.

ĐẠI DIỆN PHỤ HUYNH

(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

Cao Thị Oanh

Đàm Thị Ngọc